CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Sonadezi Long Thành

Ngày 31/03/2024	41,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.6%	**12.0%**	**21.7%**

DT thuần
Q1/24
115
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.0| -8.6%
YoY: ▲ 12.0| 11.9%

LN thuần
Q1/24
28.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.9| -31.2%
YoY: ▲ 1.60| 6.0%

LN sau thuế
Q1/24
23.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.1| -32.4%
YoY: ▼0.50| -2.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
26.1%
YoY: +/-▼ 7.5%

ROE (TTM)
Q1/24
16.3%
YoY: +/-▼ 0.7%

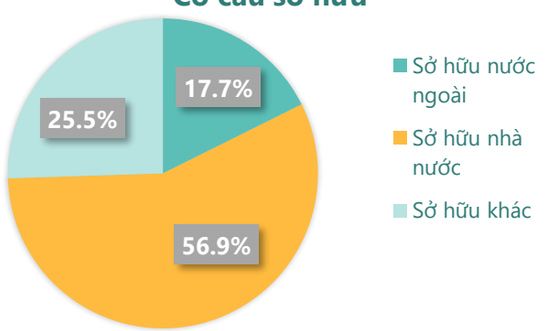
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	31,146 - 42,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,127
Số lượng CPLH (CP)	27,344,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,500
Sở hữu nước ngoài	17.7%
Beta	0.41
EPS	3,770
P/E	10.9

DT thuần
2023
441
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.0| 7.5%

LN thuần
2023
125
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00| 6.0%

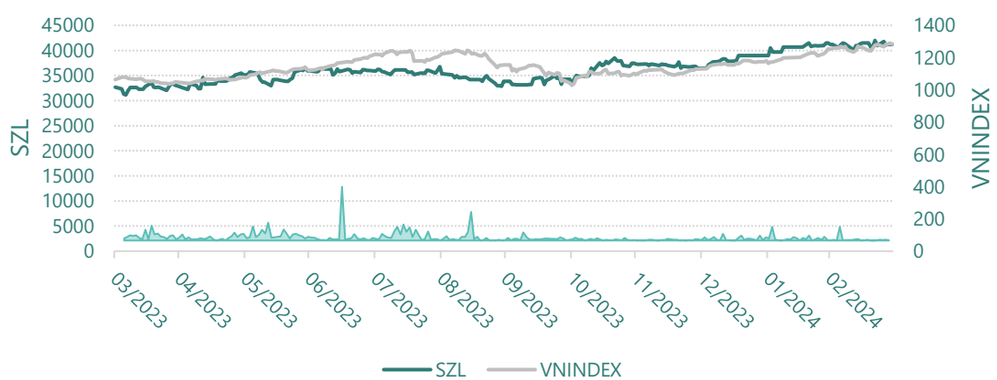
LN sau thuế
2023
104
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.80| 4.4%

Cơ cấu sở hữu

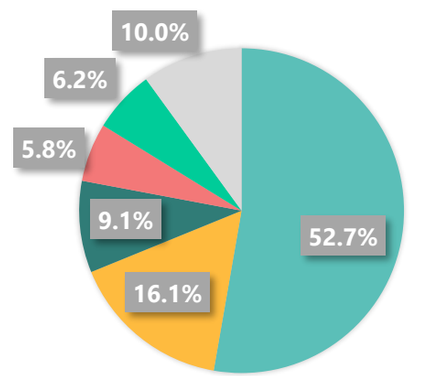


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

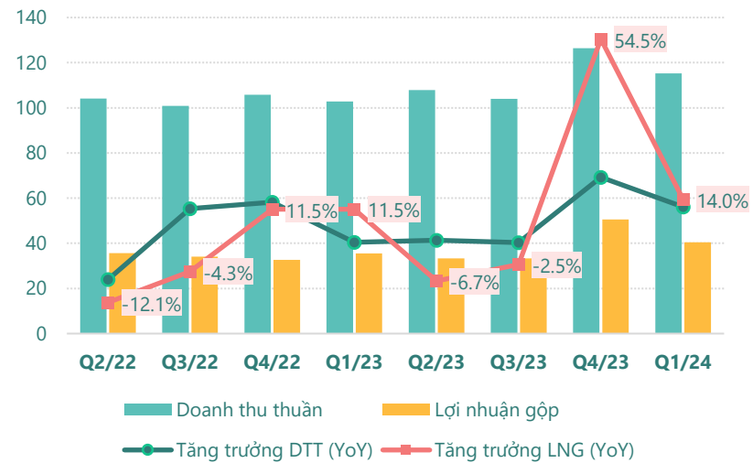


Tổng CTCP Phát triển khu công nghiệp
America LLC
CTCP Sonadezi Long Thành
Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai
Trần Thị Thanh Thủy (Thành viên HĐQT)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

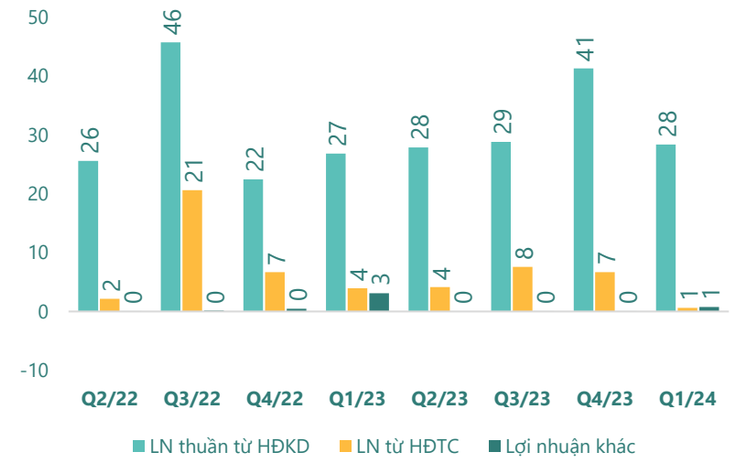
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



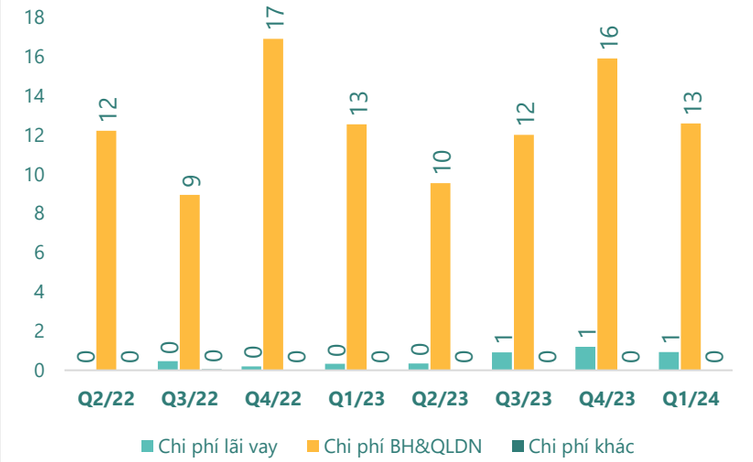
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



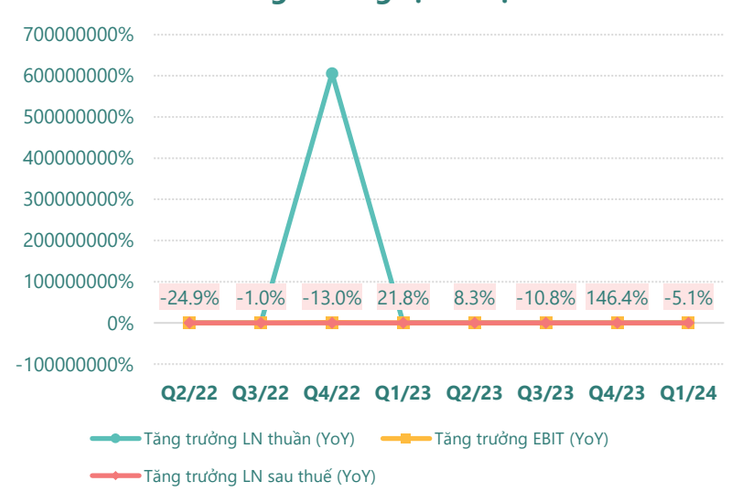
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



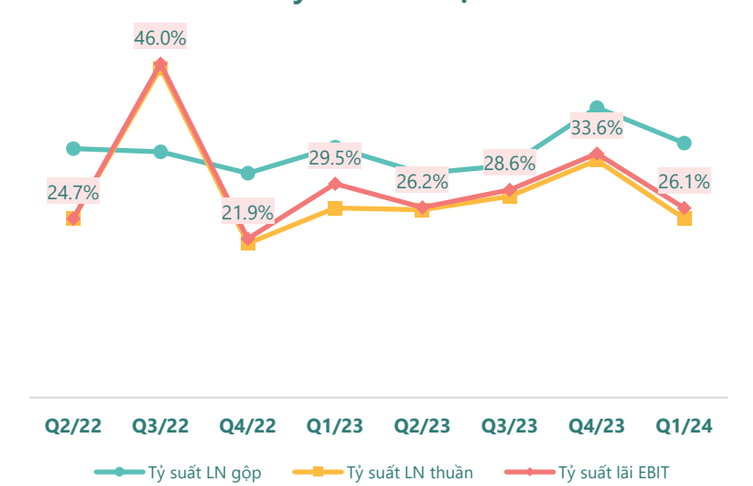
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



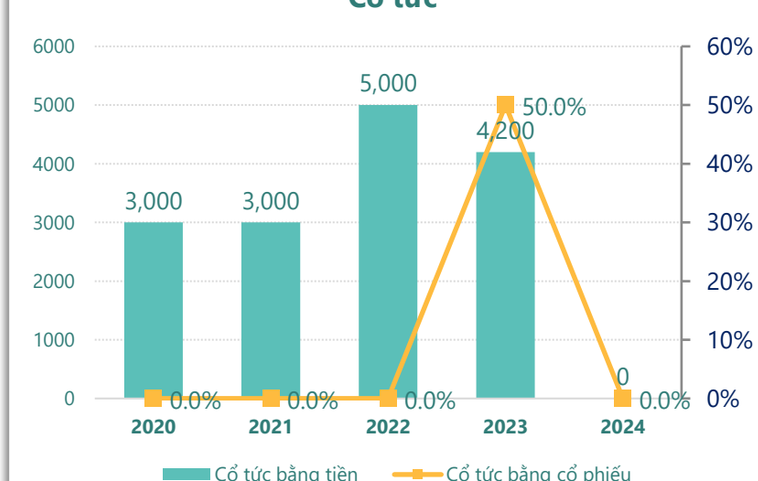
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

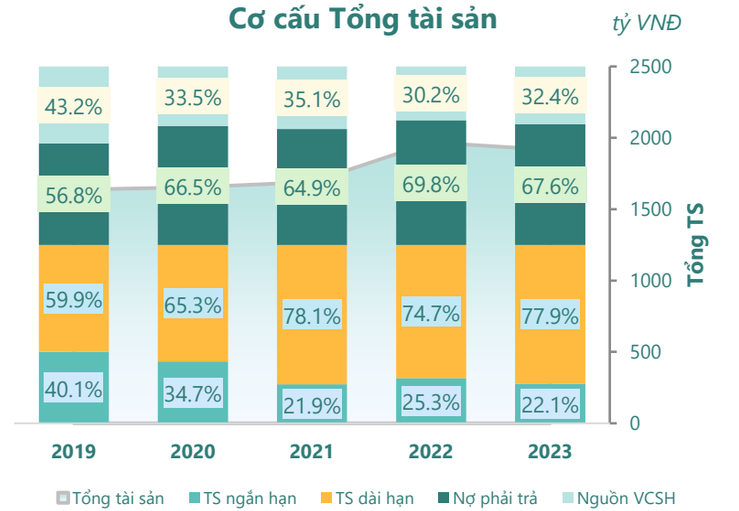
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

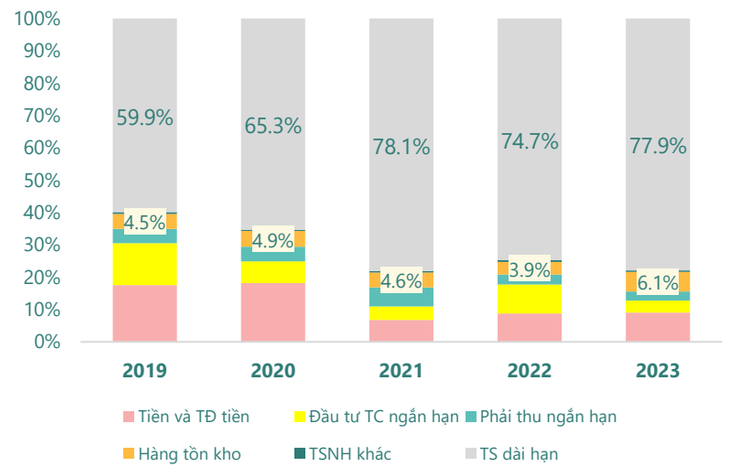
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



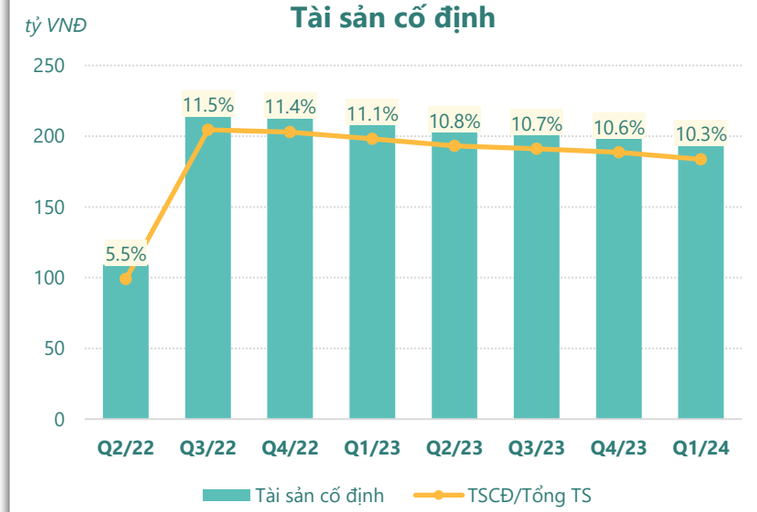
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



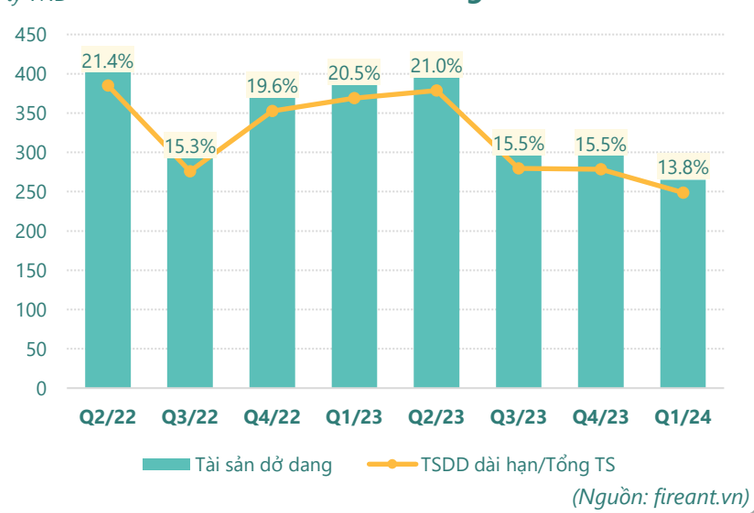
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



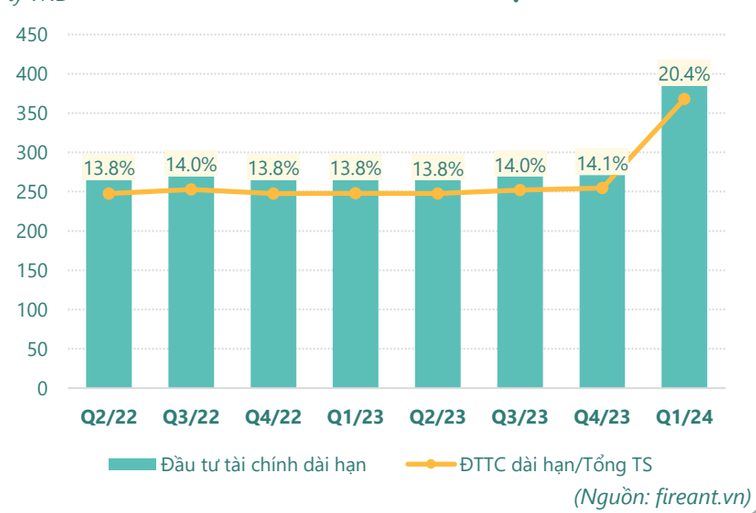
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



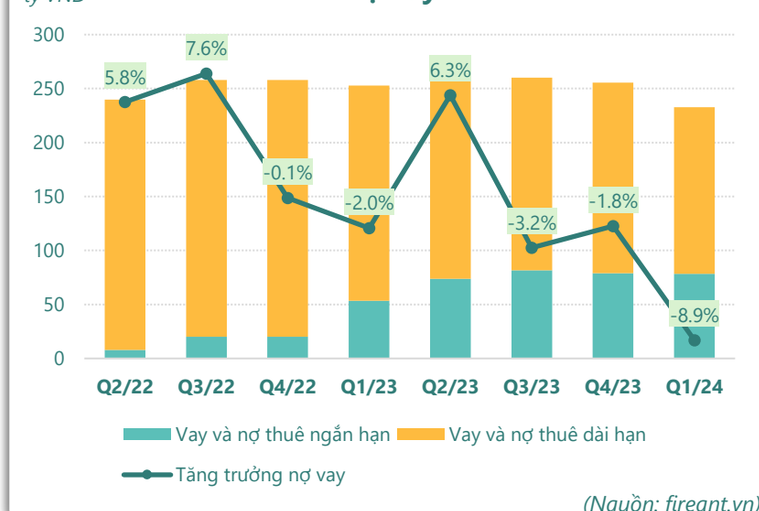
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

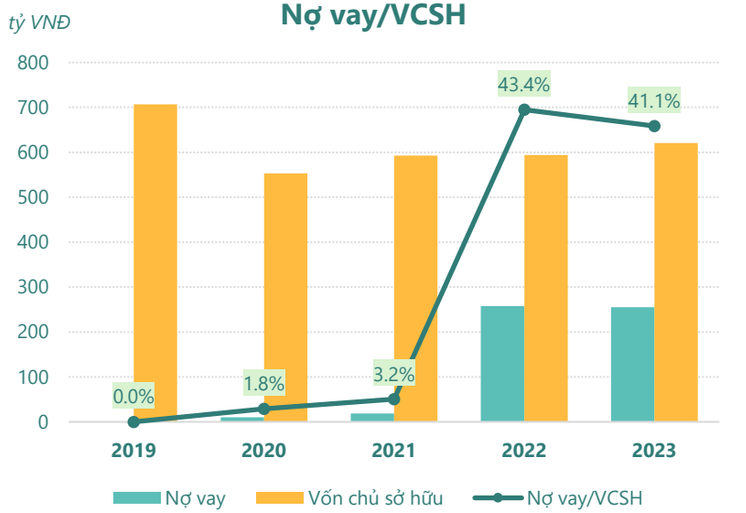
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

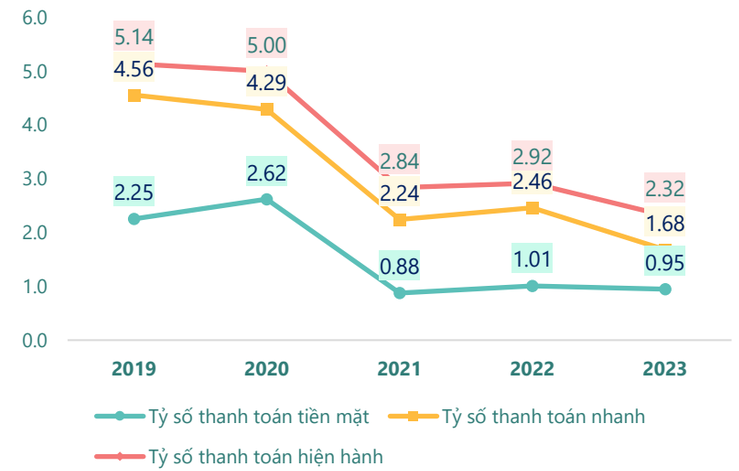
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



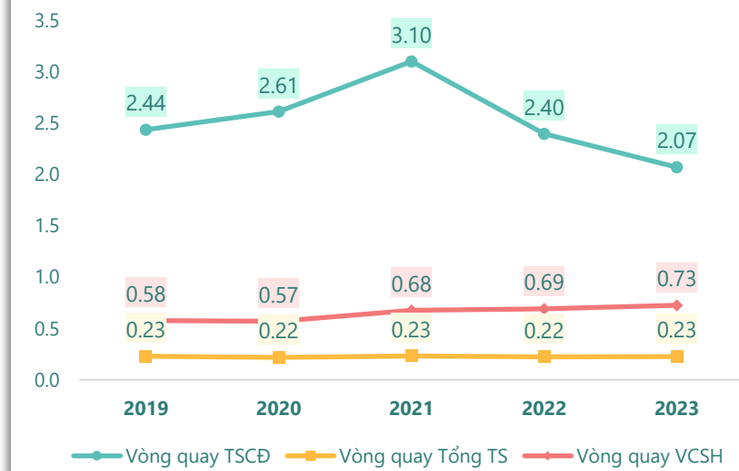
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



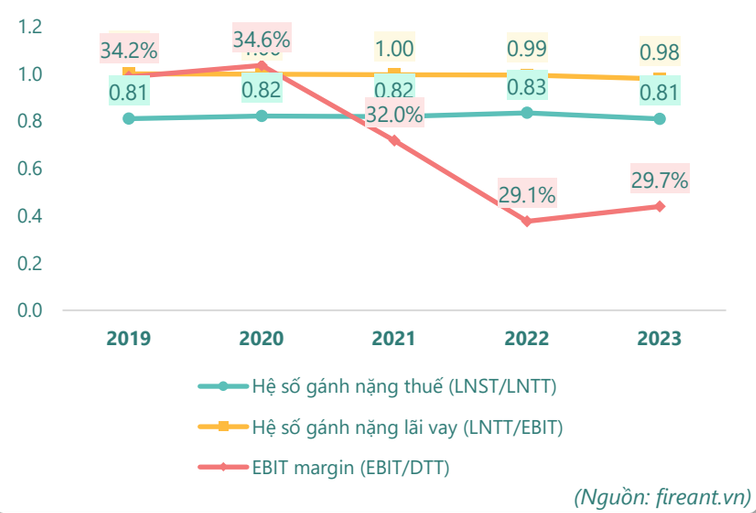
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



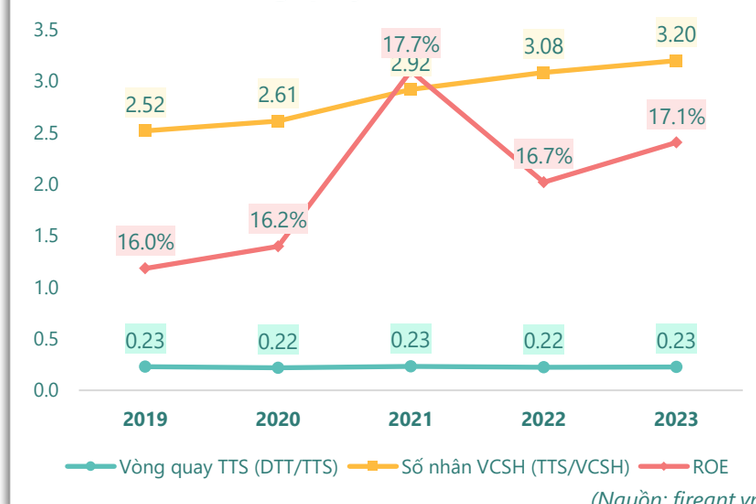
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



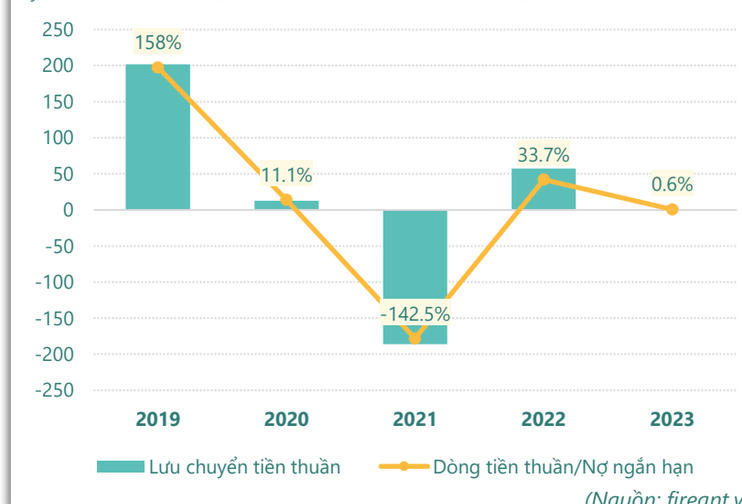
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**115**	**103**	**11.9%**	**441**	**410**	**7.5%**
Giá vốn hàng bán	74.8	67.4	11.0%	289	276	4.5%
Lợi nhuận gộp	40.4	35.5	13.8%	153	134	13.6%
Doanh thu HĐTC	1.51	4.27	-64.6%	25.1	31.5	-20.1%
Chi phí TC	0.92	0.34	171%	2.80	0.68	314%
Chi phí lãi vay	0.92	0.34	171%	2.80	0.68	314%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.20	0.43	179%	3.75	2.89	29.9%
Chi phí QLDN	**11.4**	**12.1**	**-5.8%**	**46.3**	**44.4**	**4.1%**
LN thuần từ HĐKD	28.4	26.8	6.0%	125	118	6.0%
Lợi nhuận khác	**0.74**	**3.11**	**-76.2%**	**3.11**	**1.09**	**184%**
LN trước thuế	29.1	29.9	-2.5%	128	119	7.7%
Lợi nhuận sau thuế	**23.2**	**23.7**	**-2.2%**	**104**	**99.2**	**4.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**23.2**	**23.7**	**-2.2%**	**104**	**99.2**	**4.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	74.7	-186	282	30.8	33.7	78.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-70.1	-101	-71.8	19.3	71.1	-116
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.5	248	-291	-6.50	-26.7	-22.7
Tiền đầu kỳ	186	172	133	51.7	95.6	174
Lưu chuyển tiền thuần	**-13.8**	**-39.3**	**-81.3**	**43.6**	**78.1**	**-60.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.23	-0.04	0.07	0.30	-0.02	0.00
Tiền cuối kỳ	172	133	51.7	95.6	174	113

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,917**	**1,916**	**0.1%**
Tài sản ngắn hạn	318	424	-25.0%
Tiền và tương đương tiền	113	174	-35.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.0	70.0	-55.7%
Phải thu ngắn hạn	54.6	54.4	0.4%
Hàng tồn kho	116	116	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.23	9.63	-66.4%
Tài sản dài hạn	**1,599**	**1,492**	**7.2%**
Phải thu dài hạn	3.68	3.68	0.0%
Tài sản cố định	197	202	-2.6%
Bất động sản đầu tư	526	502	4.9%
Tài sản dở dang	265	297	-10.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	392	271	44.7%
Tài sản dài hạn khác	**215**	**217**	**-0.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,273	1,295	-1.7%
Nợ ngắn hạn	**194**	**183**	**5.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	78.3	78.9	-0.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.0	35.3	-57.5%
Nợ dài hạn	1,079	1,112	-3.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	154	176	-12.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**644**	**621**	**3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**644**	**621**	**3.7%**
Vốn điều lệ	291	291	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)